

Số: /TB-BVĐK

Quảng Ngãi, ngày tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v mời chào giá vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Ngày 22/7/2025 Trường hợp các nhà thầu đã gửi báo giá theo Thông báo số 1686/TB-BVĐK. Nay Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi phát hành bổ sung Thông báo mời chào giá vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm để tiếp nhận báo giá để xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua bổ sung vật tư y tế tiêu hao, khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo đối với những mặt hàng không trúng thầu tập trung năm 2024 hoặc trúng thầu nhưng không đủ số lượng hoặc không đáp ứng nhu cầu hoặc bổ sung mới phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi năm 2025, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: Đường Lê Hữu Trác, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Người tiếp nhận báo giá: Mai Thị Hồng Nhung, phòng Vật tư - thiết bị y tế, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

Số điện thoại: 0905.261.222

Địa chỉ: Đường Lê Hữu Trác, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi

Email: baogia.bvqng@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư - thiết bị y tế, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi vào giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6.

- Địa chỉ email: baogia.bvqng@gmail.com nhận file mềm excel và bản scan. (Tiêu đề: “Báo giá vật tư y tế tiêu hao hoặc Hóa chất, hóa chất xét nghiệm”).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ lúc phát hành yêu cầu báo giá này đến trước 16 giờ 30 phút ngày 16 tháng 8 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Chi tiết Danh mục xin báo giá theo Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo Công văn này.

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa:

Kho Vật tư y tế của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: Đường Lê Hữu Trác, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Khoảng từ tháng 9/2025 đến tháng 3/2026.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng: Không

Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng: Bằng chuyển khoản, sau khi hai bên nghiệm thu, bên bán cung cấp các chứng từ hợp lý, hợp lệ cho bên mua theo từng đơn hàng cung cấp. Thời hạn thanh toán trong vòng không quá 120 ngày kể từ ngày bên bán xuất trình đầy đủ các chứng từ, hồ sơ thanh toán hợp lý, hợp lệ cho bên mua.

5. Nhà thầu ghi rõ trên bì thư báo giá: “Báo giá vật tư y tế tiêu hao hoặc Hóa chất, hóa chất xét nghiệm”.

6. Hồ sơ báo giá bao gồm:

a. Báo giá theo mẫu Phụ lục 3: Vật tư Y tế tiêu hao, Phụ lục 4: Hóa chất, hóa chất xét nghiệm đính kèm thông báo này.

b. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đính kèm Catolog, tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế báo giá bao gồm Bản giấy và file mềm (nếu có) theo hai hình thức quy định tại khoản 3 Mục I - Yêu cầu báo giá.

Lưu ý:

(1) Trường hợp báo giá có nhiều trang, đề nghị công ty đóng dấu treo hoặc dấu giáp lai. Để thuận lợi cho công tác tổng hợp báo giá, **trong file mềm gửi về Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi công ty không được cắt bỏ, thêm hay thay đổi số thứ tự trong danh mục, chỉ điền thông tin mặt hàng báo giá vào trong Danh mục.** Trong bản giấy gửi Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, công ty chỉ cần gửi các mặt hàng được báo giá.

(2) Bệnh viện đã phát hành Thông báo số 1686/TB-BVĐK ngày 22/7/2025 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi về việc mời chào giá vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm, tuy nhiên căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024, Bệnh viện chỉ đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bệnh viện và Trang hệ thống thông tin mời chào giá trang thiết bị y tế của Bộ Y tế.

Hiện nay, căn cứ theo điểm d Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025, Bệnh viện phải đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, vì vậy để đảm bảo tính công khai, minh bạch đúng theo quy định, Bệnh viện phát hành bổ sung thông báo chào giá này để thực hiện

đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cho các nhà thầu trên toàn quốc được biết, quan tâm và chào giá.

Trường hợp các nhà thầu đã gửi báo giá theo Thông báo số 1686/TB-BVĐK ngày 22/7/2025 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi thì các báo giá đó vẫn giữ nguyên hiệu lực, nếu có thay đổi hoặc bổ sung thì nhà thầu tiếp tục gửi báo giá theo Thông báo này.

Xin trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website BVĐK;
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Trang hệ thống thông tin mời chào giá trang thiết bị y tế, Bộ Y tế;
- Phòng VT-TBYT;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Thiệu

PHỤ LỤC 1

(Đính kèm theo Thông báo số /TB-BVĐK ngày /8/2025 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Mã số	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
1	VT149	Chỉ thép số 5	Chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 55mm, kim 1/2C, kim tam giác, 1 sợi/tép	Tép	104
2	VT361	Quả lọc máu thận nhân tạo Sureflux-130E hoặc tương đương	Màng lọc Middle flux, chất liệu Sợi tự nhiên Cellulose Triacetate Diện tích màng: 1,3±0.1m ² , Hệ số siêu lọc Kuf: 16±2 ml/h/mmHg Thể tích mỗi: 80±5 ml Tiệt trùng Tiêu chuẩn: EC	Quả	2.552
3	VT437	Bộ lọc khuẩn 2 cơ chế tĩnh điện, cơ học	* Lọc theo 02 cơ chế lọc TĨNH ĐIỆN -CƠ HỌC. * VT 150-1200ml (350/5879). Trở kháng 30 L/min 0.7 cm H ₂ O 60 L/min 1.6 cm H ₂ O 90 l/min 2.8 cm H ₂ O khả năng lọc khuẩn ≥ 99.999% khả năng lọc virus ≥ 99.99% khoảng chết: (bao gồm chỗ nối): 99 ml trọng lượng: 35 g	Bộ	2.320
4	VT444	Clip Hemolock	Chất liệu Polymer không tiêu, không cản quang, có khóa an toàn, có các răng cưa nhỏ trên thân. Có vấu lồi ở đầu để giữ Clip vào kim. Các kích cỡ: M, ML, L, XL kẹp mạch có đường kính lên đến 10 mm thông qua troca 5 mm; lên đến 16 mm thông qua troca 10 mm. Có kim bấm dài 45cm.	Cái	384
5	VT502	Khay hỗ trợ xác định nhóm máu Seroplate hoặc tương đương	Khay được làm từ chất liệu nhựa không phản ứng với máu. Khay có thể bao gồm nhiều ô nhỏ để thực hiện xét nghiệm nhóm máu.	Khay	320
6	VT608	Dụng cụ khâu nối vòng Kangdi Hem Stapler hoặc tương đương	Dụng cụ cắt khâu nối dùng trong kỹ thuật Longo khâu cắt, treo trĩ, sa trực tràng, lên đến 4 lỗ kéo chỉ, chiều cao ghim 4.2mm, đường kính ngoài 32mm hoặc 33.5mm, đường kính trong 23mm hoặc 24.2mm. Có bộ phận hiển thị mức độ kẹp mô phù hợp. Độ dập ghim ép mô 1.5- 0.8	Cái	8
7	VT626	Rọ lấy sỏi	Rọ có ≥ 4 dây xoắn thích hợp tán sỏi. Ngã bom thuốc cản quang, ngã luôn dây dẫn có khóa. Độ mở: 25/40mm và 30/45 mm. Loại rọ diamond shape. Guidewire tương thích 0,035inch. Đường kính dây dẫn 2,6mm, dài 215cm. Sử dụng nhiều lần Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	5

STT	Mã số	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
8	VT745	Vít cột sống đa trục	Chất liệu Titan - Đường kính: 4.0, 4.5, 5.5, 6.5, 7.5mm, dài 30, 35, 40, 45, 50, 55, 60mm - Đầu vít được thiết kế dạng đầu nhỏ và được mã màu theo đường kính thân vít. Ren ngược chống tuột - Thân vít được thiết kế hai bước ren, ren vỏ xương và ren xương xốp, lõi vít được thiết kế dạng đường kính kép. Biên độ xoay của thân vít quanh đầu vít 60 độ. Tự tạo ren	Cái	104
9	VT746	Vít khoá cho vít đơn và đa trục	Chất liệu Titan Lỗ vặn vít được thiết kế hình sao	Cái	104
10	VT747	Thanh dọc (Nẹp dọc tròn)	Chất liệu Titan Dài 40, 50, 60, 70, 80, 90, 100, 110, 120, 130, 140, 150, 160, 170, 180, 190, 200 (mm)	Cái	104
11	VT748	Nẹp DHS các cỡ	Chất liệu thép không gỉ. Nẹp có 135°, dài các cỡ	Cái	32
12	VT749	Nẹp DCS các cỡ	Chất liệu thép không gỉ. Chiều dài phù hợp	Cái	3
13	VT750	Vít DHS/DCS các cỡ	Chất liệu thép không gỉ. Phù hợp với nẹp	Cái	35
14	VT751	Vít nén DHS/DCS	Chất liệu thép không gỉ. Phù hợp với nẹp	Cái	35
15	VT759	Bộ Đinh chốt xương đùi	Chất liệu titanium. Đinh rộng -Đường kính các cỡ, Dài các cỡ. Vít và nắp phù hợp	Cái	9
16	VT760	Vít chốt ngang đinh chốt, các cỡ	Chất liệu titanium. - Ø4.5mm, có các chiều dài nằm trong khoảng từ 16mm đến 100mm, tự tạo ren	Cái	27
17	VT761	Vít nắp đinh chốt xương đùi các cỡ	Chất liệu titanium. - Dài 0, +5, +10, +15	Cái	9
18	VT762	Vít nén đinh chốt xương đùi	Chất liệu titanium. - Tác dụng kéo nén xương	Cái	9
19		Vít chốt cổ xương đùi đinh chốt xương đùi đa năng	chất liệu titanium. Kích cỡ phù hợp theo bộ	Cái	9
20	VT763	Nẹp khóa bản hẹp các cỡ	Nẹp có 6, 7, 8, 10, 12, 13, 14, 15 lỗ thân tương ứng kích thước phù hợp. Dùng vít khoá Ø3.5mm. chất liệu thép không gỉ.	Cái	5
21	VT764	Nẹp khóa bản hẹp các cỡ	Nẹp có 6, 7, 8, 10, 13, 14, 15, 16 lỗ thân tương ứng kích thước phù hợp. Dùng vít khoá Ø5.0mm, chất liệu thép không gỉ.	Cái	4
22	VT765	Nẹp khóa bản rộng (xương đùi) các cỡ	Nẹp có 8, 9, 10, 12, 14 lỗ thân tương ứng kích thước phù hợp. Dùng vít khoá Ø5.0mm, chất liệu thép không gỉ.	Cái	7
23	VT766	Nẹp khoá xương cùng đòn (khớp cùng đòn)	Nẹp khóa xương cùng đòn có móc, nẹp có 4,5,6,8 lỗ thân. chiều sâu móc 10mm đến 18mm. Dùng vít khoá Ø3,5mm, chất liệu thép không gỉ.	Cái	8
24	VT767	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ	Nẹp có 9 lỗ đầu, có 3 đến 11 lỗ thân. Vít Ø3.5mm. Kích thước phù hợp. chất liệu thép không gỉ.	Cái	10
25	VT768	Nẹp khóa đầu trên xương chày trái, phải các cỡ	Nẹp có lỗ đầu phù hợp đường kính vít Ø6.5mm. Tương ứng chiều dài phù hợp, dùng vít khoá Ø5.0mm. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	12

STT	Mã số	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
26	VT769	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi trái, phải các cỡ	Nẹp có 7 lỗ đầu, có 4, 5, 6, 7, 8, 10, 12 lỗ thân tương ứng chiều dài phù hợp, dùng vít khóa Ø5.0mm, chất liệu thép không gỉ.	Cái	14
27	VT770	Nẹp khóa đầu trên xương đùi trái, phải các cỡ	Nẹp có cấu tạo phù hợp, có 2, 4, 6, 8 lỗ thân tương ứng chiều dài tương ứng. chất liệu thép không gỉ.	Cái	12
28	VT771	Vít khóa, dài các cỡ	Đường kính 3.5mm. Cổ mũ vít có ren, chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa.	Cái	200
29	VT772	Vít khóa, dài các cỡ	Đường kính 5.0mm. Cổ mũ vít có ren, chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa.	Cái	267
30	VT773	Vít khóa, dài các cỡ	Đường kính 6.5mm. Cổ mũ vít có ren, chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa.	Cái	38
31	VT774	Vít khóa, dài các cỡ	Đường kính 7.5mm. Cổ mũ vít có ren, chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa.	Cái	23
32	VT356	Thủy tinh thể nhân tạo mềm	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 2 tiêu cự, ngâm nước, phi cầu, nhiều xạ, ngăn chặn tia UV, lọc ánh sáng tím. - Các bậc nhiễu xạ nằm ở vùng trung tâm $\leq 4\text{mm}$, phù hợp với kích thước đồng tử trong các điều kiện ánh sáng khác nhau. - Chất liệu: Hydrophilic Acrylic; Đường kính optic $\geq 6\text{mm}$, đường kính tổng $\geq 11\text{mm}$. - Thiết kế 4 còng; Góc còng $\geq 5^\circ$; Bờ vuông liên tục 360° - Dải công suất từ 0 đến $\geq 35.0\text{D}$ (từ 0 đến 30.0D, tăng mỗi mức 0.5D; từ 31.0 đến 35.0D, tăng mỗi mức 1.0D) - Công suất bổ sung: $+3.0\text{D}$ - Hằng số A ≤ 118.5; Chỉ số khúc xạ ≤ 1.46 - Kích thước vết mổ $\leq 1.8\text{mm}$. - Thủy tinh thể được lắp sẵn trong cartridge hoặc tương đương	Cái	24
33	VT357	Thủy tinh thể nhân tạo mềm	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, phi cầu, 4 còng, ngăn chặn tia UV, lọc ánh sáng tím, màu vàng tự nhiên. - Có khả năng lọc ánh sáng có bước sóng $\leq 400\text{nm}$ - Chất liệu: Hydrophobic Acrylic; Đường kính optic $\geq 6\text{mm}$, đường kính tổng $\geq 11\text{mm}$. - Góc còng $\geq 5^\circ$; Bờ vuông liên tục 360° - Dải công suất từ 5.0D đến $\geq 35.0\text{D}$ (từ 5.0D đến 10.0D và từ 31.0D đến 35.0D tăng mỗi mức 1.0D; từ 10.5D đến 30.0D, tăng mỗi mức 0.5D). - Hằng số A ≥ 118.9; Chỉ số khúc xạ ≤ 1.48. - Cầu sai > -0.14; Độ sâu tiền phòng (pACD) ≤ 5.6 - Kích thước vết mổ $\leq 2.2\text{mm}$. - Thủy tinh thể được lắp sẵn trong dụng cụ đặt kính hoặc tương đương.	Cái	32

STT	Mã số	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
34	VT399	Túi lấy máu ba 250ml [Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ]	- Hệ thống kín gồm các túi và dây nối với nhau. - Kim lấy máu cỡ 16G. Dây lấy máu dài $\geq 1100\text{mm}$, có ≥ 12 đoạn mã số. - Có bộ lấy mẫu chân không bao gồm: túi lấy mẫu, kim lấy mẫu chân không và giá cố định ống nghiệm. Khóa kẹp trên đường ống lấy mẫu và thu thập máu. Van khóa dạng bẻ trên đường ống thu thập máu - Nhãn túi có barcode theo chuẩn ISBT 128 - Đoạn dây có mã số khắc laser rõ nét, không bị mờ khi vuốt dây - Kích thước trong mỗi túi $105 \times 133\text{mm}$ ($\pm 5\text{mm}$), kích thước ngoài $120 \times 158\text{mm}$ ($\pm 5\text{mm}$). Ống dây có đường kính $3 \times 4.5\text{mm}$ ($\pm 0.1\text{mm}$) - Đóng gói 2 lớp. - Bảo quản được trong nhiệt độ từ 0 đến 30°C; độ ẩm $< 90\%$. - Gồm 3 túi: + Túi 1: dung tích 250ml. Chứa dung dịch chống đông CPD, dùng để thu thập máu toàn phần. Chiều dài đường ống từ túi 1 đến chạc chữ Y nối ba túi: dài $300\text{mm} \pm 10\text{mm}$, có 4 đoạn mã số. + Túi 2: Túi rỗng bảo quản thành phần máu. Dung tích: 250ml. Chiều dài đường ống từ túi 2 đến chạc chữ Y nối ba túi: dài $300\text{mm} \pm 10\text{mm}$, có 4 đoạn mã số. + Túi 3: Túi chứa dung dịch bảo quản hồng cầu SAGM. Dung tích: 250ml. Dung dịch SAGM giúp bảo quản khối	Túi	1.200
35	VT477	Buồng tiêm dưới da các cỡ (Người lớn, trẻ em)	Bộ buồng tiêm gồm: 1 buồng tiêm truyền, 1 ống thông, 1 dây dẫn đường, 1 kim chọc mạch, 1 kim chọc buồng tiêm, 1 dụng cụ mở đường, 2 bơm tiêm, 1 kim đầu tù, 1 bộ kim tiêm truyền an toàn, 1 cây chọc dò tĩnh mạch, 1 dụng cụ tạo đường hầm,... -Chất liệu Port: Titanium, công nghệ Vortex, lòng buồng tròn. - Ống thông cân quang bằng silicon, polyurethane hoặc Carbothane. Đường kính ngoài từ 7,5F-9,6F. - Tốc độ bơm 5mL/sec và áp lực tối đa 300psi, - Thể tích buồng: 0,7ml. - Đạt tiêu chuẩn FDA, CE	Bộ	6
36	VT549	Tua pin đo chức năng hô hấp	Kích thước: VBMax 48mm -Chất liệu: modocrylic-polypropylene technostat	Cái	240
37	VT577	Catheter dẫn lưu đường mật qua da	Bao gồm: * 01 pigtail phủ hydrophilic có khóa string-lock * Kích cỡ: 8F, 10F * Chất liệu: polyurethane * 01 kim dẫn đường trocar stylet * 01 kim chọc trocar needle * 01 bộ duỗi thẳng pigtail spit straightener) tương thích dây dẫn lớn nhất 0,038"	Bộ	25
38	VT649	Nẹp chữ T nhỏ	Chất liệu thép không rỉ. vít $\varnothing 3.5\text{mm}$, thẳng. Có đầu 3 lỗ, thân 3 đến 5 lỗ.	Cái	32

STT	Mã số	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
39	VT653	Nẹp tạo hình thẳng, các cỡ	Chất liệu thép không rỉ. vít Ø3.5mm, Nẹp có 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24 lỗ,	Cái	16
40	VT655	Nẹp ốp lõi cầu trái /phải, các cỡ	6 lỗ đầu; 7 đến 13 lỗ thân; dùng vít 4.5 mm, chất liệu thép không rỉ.	Cái	8
41	VT686	Dụng cụ khâu cắt nối vòng	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, chiều dài cán 18cm, đường kính ngoài khoảng chứa ghim: 29mm, đường kính ngoài của dao: 20,4mm, chiều cao ghim mở 5,2mm, chiều cao ghim đóng điều chỉnh 1,5-2,2mm; số lượng ghim: 24, chất liệu ghim bằng titanium alloy (Ti-3Al-2,5V), vòng đệm cho phản hồi âm thanh và xúc giác, nút cảm nhận ở cần bắt cho biết quy trình bắn hoàn tất	Cái	8
42	VT694	Kim đốt RFA đơn cực	Sử dụng tương thích với máy Cool-tip RFA. Một điện cực đơn cực tích hợp thước đo dài 17cm Hai điện cực bệnh nhân (REM) Bộ ống dẫn cấp và thoát nước Chiều dài: 7.87 "(20 cm) Đầu dò điện cực: 2.0cm-3.0cm	Cái	8
43	VT700	Băng gạc điều trị vết thương bằng áp lực âm vi năng lượng cỡ lớn	Điều trị vết thương bằng áp lực âm vi năng lượng, Kích thước 200x100x1,8mm.	Miếng	16
44	VT701	Băng gạc điều trị vết thương bằng áp lực âm vi năng lượng cỡ trung	Điều trị vết thương bằng áp lực âm vi năng lượng, Kích thước 150x70x1,8mm.	Miếng	16
45	VT702	Băng gạc tiết trùng	Kích thước: Miếng gạc: 2cm x 4cm. Phần băng: 5cm x 8cm. Chất liệu: Miếng gạc: vải không dệt sợi nhân tạo rayon polyester, có tính thấm hút.	Miếng	664
46	VT703	Băng gạc tiết trùng	Kích thước: Miếng gạc: 5cm x 15cm. Phần băng: 10cm x 20cm. Chất liệu: Miếng gạc: vải không dệt sợi nhân tạo rayon polyester, có tính thấm hút.	Miếng	136
47	VT704	Băng gạc tiết trùng	Kích thước: Miếng gạc: 5cm x 20cm. Phần băng: 10cm x 25cm. Chất liệu: Miếng gạc: vải không dệt sợi nhân tạo rayon polyester, có tính thấm hút.	Miếng	272
48	VT705	Băng gạc tiết trùng	Kích thước: Miếng gạc: 5cm x10cm. Phần băng: 10cm x 15cm Chất liệu: Miếng gạc: vải không dệt sợi nhân tạo rayon polyester, có tính thấm hút.	Miếng	336

STT	Mã số	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
49	VT706	Bình chứa dịch vết thương kháng khuẩn	Sản phẩm bình chứa dịch dùng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp áp lực âm - Tương thích máy hút dịch áp lực âm chế độ liên tục & chu kỳ: - Bình chứa dịch, dung tích 600cc, vật liệu Polycarbonate (Grade: PC - 1220) - Kích thước bình 100x120mm. - Có chứa thành phần Biocera-A giúp kháng khuẩn, giảm mùi hôi của dịch vết thương và chứa gel làm đặc dịch vết thương và chất lỏng trong bình. - Bình chứa dịch có gắn cảm biến để báo hiệu dịch chứa đầy. - Bình gồm bộ lọc một lần ngăn dòng chất lỏng chảy ngược trở lại hệ thống hút.	Bộ	100
50	VT708	Vật liệu sử dụng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm	Gồm: - Băng bột xốp cỡ nhỏ (Size S: 100 x 75 x 30 mm), vật liệu Polyurethane, kích thước lỗ xốp 400-600 micromet đồng nhất giúp phân bố lực hút đồng đều, tối ưu hoá quá trình phát triển mô hạt và hạn chế tổn thương thứ cấp khi thay băng xốp - Đầu hút dịch vật liệu Silicone Elastomers - Dây dẫn dịch, vật liệu Silicone Elastomers, Polyvinly Chloride, đường kính bên trong 2.5mm, tốc độ hút dịch 22,9m/s - Đầu hút dịch liền khối và tích hợp băng dán trên đầu hút dịch: tăng sự lưu kín của áp lực âm khi hút dịch, hạn chế rò rỉ khí - Băng dán, vật liệu Polyurethane Film và Acrylic Adhesive, Polyethylene (1 miếng 350 x 350 mm) - Tiêu chuẩn ISO 13485 - Đóng gói ép chân không - Được tiệt khuẩn trước khi đóng gói	Bộ	50
51	VT709	Vật liệu sử dụng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm	Gồm: - Băng bột xốp cỡ trung (Size M: 160 x 125 x 30 mm), vật liệu Polyurethane, kích thước lỗ xốp 400-600 micromet đồng nhất giúp phân bố lực hút đồng đều, tối ưu hoá quá trình phát triển mô hạt và hạn chế tổn thương thứ cấp khi thay băng xốp - Đầu hút dịch, vật liệu Silicone Elastomers - Dây dẫn dịch, vật liệu Silicone Elastomers, Polyvinly Chloride, đường kính bên trong 2.5mm, tốc độ hút dịch 22.9m/s - Đầu hút dịch liền khối và tích hợp băng dán trên đầu hút dịch: tăng sự lưu kín của áp lực âm khi hút dịch, hạn chế rò rỉ khí - Băng dán, vật liệu Polyurethane Film và Acrylic Adhesive, Polyethylene (1 miếng 350 x 350 mm) - Tiêu chuẩn ISO 13485 - Đóng gói ép chân không - Được tiệt khuẩn trước khi đóng gói	Bộ	30

STT	Mã số	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
52	VT710	Vật liệu sử dụng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm	Gồm: - Băng bột xốp cỡ lớn (Size L: 260 x 150 x 30 mm), vật liệu Polyurethane, kích thước lỗ xốp nhỏ 400-600 micromet đồng nhất giúp phân bố lực hút đồng đều, tối ưu hoá quá trình phát triển mô hạt và hạn chế tổn thương thứ cấp khi thay băng xốp - Đầu hút dịch, vật liệu Silicone Elastomers - Dây dẫn dịch, vật liệu Silicone Elastomers, Polyvinlyl Chloride, đường kính bên trong 2.5mm, tốc độ hút dịch 22.9m/s - Đầu hút dịch liền khối và tích hợp băng dán trên đầu hút dịch: tăng sự lưu kín của áp lực âm khi hút dịch, hạn chế rò rỉ khí - Băng dán, vật liệu Polyurethane Film và Acrylic Adhesive, Polyethylene (2 miếng 350 x 350 mm) - Tiêu chuẩn ISO 13485 - Đóng gói ép chân không - Được tiệt khuẩn trước khi đóng gói	Bộ	30
53	VT724	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	đầu thắt bằng silicon mềm trong suốt được lắp sẵn với ≥ 6 vòng thắt bằng cao su; Cấu trúc dây kéo: 01 hoặc 02 sợi Có kênh bơm rửa nước Dây kéo phù hợp với đường kính ống soi 9,5mm Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	80
54	VT902	Bộ xylanh bơm thuốc cân quang	Bộ xylanh bơm thuốc cân quang 200ml. Loại 02 nòng. Tương thích sử dụng với máy Medtron Accutron CT-D	Cái	88
55	VT663	Giá đỡ (stent) các loại, các cỡ	1. Vật liệu: - Chất liệu khung stent bằng hợp kim Cobalt Chromium (Cobalt Crom L-605), bề dày 0.0032". - Phủ thuốc Everolimus (100μg /cm²). 2. Kích thước: - Đầu vào tip (Tip entry profile): 0.017 inch - Áp lực vỡ bóng tối đa: 18 atm - Đường kính 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 4.0 mm. - Chiều dài: 8mm; 12mm; 15mm; 18mm; 23mm; 28mm; 33mm; 38mm; 48mm. - Crossing profile (Tiết diện nong bóng): 0.0425 inch (3.0x18mm); 0.0439 inch (3.0x48mm) - Chiều dài làm việc của ống thông: 145 cm 3. Đặc điểm thiết kế: - Thiết kế Multi-link, 3-3-3, liên kết không tuyến tính. - Có cấu trúc polymer: Fluorinated Copolymer - Bóng trong stent bằng Pebax, đa lớp	Cái	150

STT	Mã số	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
56	VT670	Bóng nong (balloon) các loại, các cỡ	1. Nguyên liệu: - Pebax, phủ lớp ái nước Hydrophilic, sử dụng công nghệ bóng Crossflex đa lớp và Slim Seal. - Chung loại: Bóng nong mềm (Semi-Compliant). 2. Kích thước: - Đầu vào (Tip): 0.017 inch - Tiết diện nong bóng (Crossing Profile): 0.021 inch. - Áp lực định danh: 8 atm. - Áp lực vỡ bóng tối đa: 14 atm - Đường kính: 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 3.75, 4.0, 4.5, 5.0 mm. - Chiều dài: 6, 8, 12, 15, 20, 25, 30 mm. 3. Đặc điểm thiết kế: - Thiết kế 3 nếp gấp (Tri-fold design). - Điểm đánh dấu (Markers): thép Tungsten	Cái	70
57	VT675	Bóng nong (balloon) các loại, các cỡ	- Ống thông tương thích: 5F - Dây dẫn tương thích: 0.014" - Chiều dài Catheter: 144cm - Áp lực bình thường (NP): 8 atm. Áp lực vỡ bóng (RBP): 16 atm - Chất liệu bóng: Grilamid L25 - 2 điểm đánh dấu bằng vàng - Thân đoạn gần: thép không gỉ phủ AISI 304 - Thân đoạn xa: Polyamide 3 lớp kết hợp thân với lòng trong được gia cố - Phủ Hydrophilic - Kích cỡ đầu vào: 0.017" - Chất liệu đầu bóng: Pebax	Cái	50
58	VT677	Bóng nong (balloon) các loại, các cỡ	*Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel với liều lượng 3.0µg/mm ² * Chất liệu bóng: Semi Crystalline Co-Polymer (SCP) * Công nghệ phủ đan xen từng phần (patchwork coating) kỵ nước, chống trơn trượt và bung chính xác * Kích thước: + Đường kính bóng từ 2.0mm đến 4.0mm + Chiều dài bóng từ 10mm đến 30mm * Đạt chứng nhận tiêu chuẩn CE	Cái	20
59	VT689	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay	Dụng cụ mở đường quay Prelude 5F, 6F - Chất liệu polyethylene - Hemostasis valve ngăn chặn máu rò rỉ - Có snap fit dilator chống trượt khi đưa dụng cụ - Kích cỡ 5F, 6F; chiều dài 7 cm hoặc 11 cm (tuỳ mã các sản phẩm) - Có Guidewire kèm theo bằng thép không gỉ, có đầu cong hình J, đường kính 0.018", chiều dài từ 40cm - Có kèm theo kim chọc mạch 21Gx4cm, có khóa 3 ngã - Có Rotating Suture Ring xoay quanh thiết bị bề mặt nhẵn, độ mở lớn. Đạt tiêu chuẩn CE, FDA	Cái	850

STT	Mã số	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
60	VT704	Vi dây dẫn đường (guide wire) các cỡ	1. Nguyên liệu: - Chất liệu nền thép không rỉ Durasteel, bọc Polymer toàn thân, phủ lớp Hydrophilic ái nước trơn. 2. Kích thước: - Đường kính: 0.014". - Chiều dài: 190cm hoặc 300cm. - Lực tải đầu (Tip load): 1.5g - Thiết kế đầu: Core-to-tip (đầu liền thân). - Kiểu đầu (Tip Shape): đầu cong chữ J hoặc đầu thẳng (Straight), mài nhẵn, bo tròn. - Đầu dây có điểm đánh dấu cản quang (Marker Band): 1.5mm, mạ vàng.	Cái	30
61	VT706	Vi dây dẫn đường (guide wire) các cỡ	1. Nguyên liệu: - Chất liệu nền thép không rỉ Durasteel, bọc Polymer toàn thân, phủ lớp Hydrophilic ái nước trơn. 2. Kích thước: - Đường kính: 0.014". - Chiều dài: 190cm hoặc 300cm. - Lực tải đầu (Tip load): 2.7g - Thiết kế đầu: Core-to-tip (đầu liền thân). - Kiểu đầu (Tip Shape): đầu cong chữ J hoặc đầu thẳng (Straight), mài nhẵn, bo tròn. - Điểm đánh dấu duy nhất cách đầu dây dẫn 4.5cm.	Cái	30
62	VT920	Giá đỡ (stent) các loại, các cỡ	- Chất liệu Cobalt chromium - Phủ thuốc Sirolimus có trộn với polymer - Độ dày thanh chống $\geq 80 \mu\text{m}$ - Đường kính trong khoảng từ 2.5 mm đến 4.0mm. - Chiều dài từ $\geq 8 \text{ mm}$ đến tối đa 42 mm. - Xuất xứ: G7 - Tiêu chuẩn CE	Cái	150
63	VT926	Bóng nong (balloon) các loại, các cỡ	Chất liệu bóng: Nylon/ Pebax Tiết diện thâm nhập đầu tip gần như bám sát dây dẫn, tối thiểu 0.0159 inch Đường kính: 1.25 – 4 mm, Chiều dài: từ 10 – 30 mm. Áp lực thường: 6 atm. Áp lực gây vỡ bóng: $\leq 16 \text{ atm}$	Cái	50
64	VT936	Bóng nong (balloon) các loại, các cỡ	- Bóng chất liệu polyamide với đường kính đầu gần $\geq 1.95\text{F}$, đầu xa $\geq 2.7\text{F}$ - Áp lực thường $\geq 8\text{atm}$, áp lực vỡ bóng trung bình tối đa $\geq 26\text{atm}$ - Đường kính trong khoảng 1.5mm đến tối đa 4.0mm - Chiều dài bóng trong khoảng 8mm đến tối đa 40mm Đạt tiêu chuẩn CE, xuất xứ G7	Cái	60
65	VT937	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Bóng kiểm soát độ giãn nở tốt Tip entry profile: tối thiểu 0.0169 inch (Ø3.0 mm) Đường kính bóng: 1.5 – 5 mm. Chiều dài bóng: 8 – 26 mm. Áp lực thường: 14 atm. Áp lực gây vỡ bóng: $\leq 24 \text{ atm}$	Cái	50

STT	Mã số	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
66	VT958	Bộ bơm bóng áp lực cao.	Bộ bơm bóng áp lực cao dùng trong tim mạch can thiệp - Bộ dụng cụ bao gồm: • Thiết bị bơm bóng • Ống nối 13” (33 cm) • Khóa 3-Way Stopcock - Khóa Prime hỗ trợ kỹ thuật viên sử dụng 1 tay đuổi khí trong bơm - Áp lực 30atm - Thể tích 20ml ±10 % - Vật liệu làm bằng Polycarbonate - Có khoảng safe space 5 mL giúp giảm thiểu bọt khí khi nong bóng Đạt tiêu chuẩn CFG - FDA.	Cái	500
67	VT967	Vi dây dẫn can thiệp siêu nhỏ	Lõi dây hình trụ tròn chất liệu thép không gỉ Dây dẫn đơn lõi/đa lõi theo công nghệ ACT ONE (thiết kế vòng xoắn kép) tăng độ bền đầu tip, khả năng phản hồi momen xoắn và chống giật. Vòng xoắn ngoài (Lõi platinum + thép không gỉ) giữ được phản hồi moment xoắn của dây dẫn. Tip load từ 0.3 - 12 gf hỗ trợ rất tốt cho các trường hợp can thiệp CTO. Lớp phủ: silicon, ái nước SLIP-COAT hoặc phủ ái nước trên nền polymer. Đầu tip: straight, J, pre-shape. Chiều dài: 180, 190, 235, 300, 330 cm	Cái	20
68	VT010	Băng keo cá nhân	(3,8 đến 4.2)cm x (6 đến 7,5)cm	Miếng	22.904
69	VT064	Gạc phẫu thuật (đắp bông)	Kích thước: 15cm x 20cm x 20 lớp, vô trùng, 1 cái/gói	Cái	2.600
70	VT079	Dây thở Oxy	Một nhánh, chất liệu nhựa PVC, có chiều dài 400mm. Tiệt trùng bằng khí E.O	Dây	480
71	VT081	Dụng cụ ngáng miệng nhựa dùng trong nội soi phế quản	Ngáng miệng dùng một lần, chất liệu nhựa, có dây choàng, kích thước 48FR	Cái	16
72	VT090	Ống dẫn lưu ổ bụng	Số 28, tiệt trùng, 1 cái/1 bì	Cái	320
73	VT095	Ống nội khí quản	Kèm theo ống hút. Từ số 5,0 đến số 8,0	Cái	8
74	VT110	Sonde Pezzer	Chất liệu cao su, các cỡ	Cái	16
75	VT135	Chỉ Polypropylene 4/0	Chiều dài chỉ 90cm, 2 kim tròn đầu tam giác, kim dài 20mm, 1/2C	Tép	664
76	VT148	Chỉ Thép số 1	Chiều dài chỉ 45cm, chiều dài kim 40mm, kim 1/2C, kim tam giác.	Tép	8

STT	Mã số	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
77	VT181	Chỉ phẫu thuật kháng khuẩn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP số 1 dài 90cm, kim tròn đầu tròn taper CT, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone, dài 40mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 đến 70 ngày. Đạt Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA.	Tép	336
78	VT182	Chỉ phẫu thuật kháng khuẩn số	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP số 2/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn SH, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 đến 70 ngày. Đạt Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA.	Tép	336
79	VT183	Chỉ phẫu thuật kháng khuẩn số	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP số 3/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn SH, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân, bằng thép Ethalloy có phủ silicone, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 đến 70 ngày. Đạt Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA.	Tép	336
80	VT213	Bộ dây truyền dịch PE	Dây truyền dịch có cổng thông khí và màng lọc hydrophobic ngăn chặn vi khuẩn. Buồng nhỏ giọt hình trụ trong suốt. Đĩa lọc chất lỏng 15micro bên dưới buồng nhỏ giọt, lọc bất kì hạt nào trong chất lỏng. Có cổng Y, không chứa latex, vật liệu poly isoprene, dùng để bơm thuốc. Khóa điều chỉnh con lăn đảm bảo kiểm soát tốc độ dòng chảy. Ống dây chống gập gấp dài 150cm, 20 giọt/phút. Tiệt trùng EO, Không DEPH, Không latex	Cái	32
81	VT258	Đầu cao su tiểu nam (condom ngoài)	* Làm từ cao su tự nhiên * Size: 25mm; 30mm; 35mm	Cái	32
82	VT275	Giấy in nhiệt	57mm x 30mm	Cuộn	8
83	VT278	Giấy in siêu âm màu, nội soi UPC-21S hoặc tương đương	Giấy in màu -Kích thước: 100 x 90 mm. -Dung lượng: 240 tờ -03 ribbon mực màu	Hộp	16
84	VT313	Chất nhầy dùng cho phẫu thuật phaco	Chất nhầy dùng cho phẫu thuật phaco, độ nhầy 2.000.000 Mpas, dung tích 0,85ml, trọng lượng phân tử 3,2 triệu Dalton, thành phần Sodium Hyaluronate 1,8% độ thẩm thấu trong khoảng từ 200 đến 400 mosmol/kg và độ pH trong khoảng từ 6,8 đến 7,6.	Lọ	16
85	VT390	Lọ đựng bệnh phẩm sinh thiết	Lọ đựng bệnh phẩm tiệt trùng - Dung tích: 40 ml	Lọ	336

STT	Mã số	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
86	VT436	Miếng dán dùng trong phẫu thuật	Băng dán phẫu thuật 30cm x 30cm, thành phần màng polyurethane (trong khoảng từ 8% đến 15%). Bảo vệ vết thương và ngăn cản các tác nhân bên ngoài khác xâm nhập vào vết thương (vi khuẩn $\phi > 27\text{nm}$), phủ lớp keo (acrylic $< 30\%$). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Miếng	64
87	VT441	Bóng đèn đặt nội khí quản	Bóng đèn thủy tinh	Cái	8
88	VT447	Dây garo	Dây garo chất liệu vải có khóa	Cái	64
89	VT450	Chuôi kim điện cơ	Dây dài 1.25m, đầu gắn kim loại pogo pin, đầu kết nối bộ khếch đại loại 5-pole DIN. Cắm vào hầu hết các thiết bị EMG. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Dây	2
90	VT468	Bẫy nước dùng để phân tích khí mê	Bẫy nước có khả năng phân tách nước, bảo vệ sensor phân tích khí trong máy. Bẫy nước tương thích với khối phân tích nồng độ khí mê của máy theo dõi bệnh nhân 8 thông số Carescape B650.	Bộ	24
91	VT470	Bộ dây máy gây mê người lớn dùng 1 lần	Bộ dây gồm: - Dây 2 nhánh có thể co giãn 1,8m, có cổng trích khí CO ₂ . - Dây nối dài 0,9m. - Túi mê 2L	Bộ	40
92	VT471	Bộ dây máy gây mê trẻ em dùng 1 lần	Bộ dây gồm: - Dây 2 nhánh có thể co giãn 1,8m, có cổng trích khí CO ₂ . - Dây nối dài 0,9m. - Túi mê 0.5L	Bộ	40
93	VT481	Ống Silicone cầm máu thực quản và dạ dày	Ống thông làm bằng silicone. Dài 850mm, có nhiều kích thước (14Fr, 15Fr, 16Fr, 18Fr, 21Fr). Các loại 32, 42, 52, 53.	Cái	5
94	VT499	Điện cực dán đo vận động dẫn truyền dành cho máy điện cơ	Kích thước điện cực: loại đĩa 20mm; cảm biến bằng Ag/AgCl, kết nối thiết bị bằng cổng 1,5mm; dây dẫn có 4 màu khác nhau (để phân biệt) cho mỗi bộ; tương thích cho các kỹ thuật đo điện cơ; Dây dài 100cm; Tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	3
95	VT503	Dụng cụ tước tĩnh mạch	Dụng cụ tước tĩnh mạch dùng kỹ thuật Stripping. Dây GW bọc nhựa, bên bằng nhiều sợi nhỏ; linh hoạt, không có hiệu ứng nhớ. Dùng cho Stripping ngoài và trong. Đầu dây sắc bén giảm thiểu tổn thương. Đường kính đầu 09, 12, 15mm	Sợi	8
96	VT516	Lưỡi dao bào da dùng cho dao điện lấy da	1 túi / 1 cái size 100mm tiết trùng. Phù hợp cho dao điện lấy da Nouvag	Cái	24
97	VT558	Tấm điện cực trung tính	Vật liệu PE, hình oval. Tiết trùng	Miếng	200
98	VT578	Ống dẫn lưu thận	Ống thông mono J với đầu thuận nhọn, có kích thước khoảng 8Fr, chất liệu Polyurethan, có kim chọc dò và ống nối	Cái	8
99	VT579	Túi dẫn lưu dịch 800ml	Gồm: * 01 túi dùng chứa dịch * Kích cỡ: 800ml * Chất liệu: medical PVC	Cái	16

STT	Mã số	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
100	VT583	Băng đạn (ghim khâu) cắt khâu nối nội soi	Băng đạn khâu cắt nối nội soi thiết kế 3 hàng ghim, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 2.0mm- 2.5mm- 3.0mm, 3.0mm - 3.5mm - 4.0mm, cỡ 30mm, 45mm, 60mm, có màu - Thiết kế thanh chữ I, đe rộng, dao mới, ghim dập chữ B. - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng, dụng cụ khâu cắt nối nội soi cùng nhà sản xuất. - Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA, CE	Cái	8
101	VT588	Băng ghim cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi	Băng ghim 45mm màu trắng dùng cho mô vừa, 6 hàng ghim làm bằng hợp kim titan (Ti3Al2.5V), chiều cao ghim đóng 1,5mm	Cái	3
102	VT589	Băng ghim cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi	Băng ghim 45mm màu xanh dương dùng cho mạch máu và mô mỏng, 6 hàng ghim làm bằng hợp kim titan (Ti3Al2.5V), chiều cao ghim đóng 1,0mm	Cái	32
103	VT639	Chỉ thép	Dùng để cố định xương hàm. Đường kính khoảng từ 0,5mm đến 0,6mm, chiều dài $\geq$ 5m.	Cuộn	3
104	VT640	Súng bắn dây	Dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa. Khả năng đóng mạch máu có kích thước lên tới 5 - 21F (động mạch) và 5 - 24F (tĩnh mạch) Cơ chế kéo cắt (QuickCut) nằm ngay trên thân, Nút thắt được tạo sẵn, có các bước đánh số ghi trên thân.	Cái	1
105	VT641	Khăn có lỗ tròn	Vải y tế không dệt, không thấm chất lỏng, không thấm cồn, không có bụi vải	Cái	16
106	VT646	Ống thông dẫn đường can thiệp các loại	Kích cỡ 6F. Đường kính trong lớn loại 0.070" và 0.088". Chiều dài loại 0.070": 105cm; Chiều dài loại 0.088": 80cm; 90cm. Đường kính ngoài đầu gần/đầu xa 8F/8F đối với loại 0.088", đường kính đầu gần/đầu xa 6F/6F đối với loại 0.070" .	Cái	5
107	VT648	Vòng xoắn kim loại cỡ lớn	Vòng xoắn bằng platinum. lõi bằng Nitinol. Đường kính sợi coil kích cỡ 0.020". Có nhiều kích cỡ khác nhau đường kính có: 2mm đến 32mm, độ dài đa dạng có: 2cm đến 60cm.	Cái	1
108	VT680	Endopath Xcel Bladeless Trocar B5LT hoặc tương đương	Trocar nội soi nhựa, không dao, đường kính 15mm, thân dài 100mm, thân ngoài có rãnh cố định. Van giữ khí 4 mảnh Đường vào hình nhễu có khóa giữ camera	Cái	8
109	VT698	Dụng cụ cắt bao quy đầu	Thiết kế dạng súng, định khâu tự động; Đầu chụp có vòng cao su để cầm máu; Đường kính vòng cắt có các cỡ khoảng 26mm 30mm	Cái	16
110	VT702	Băng gạc tiết trùng	Kích thước: Miếng gạc: 2cm x 4cm. Phần băng: 5cm x 8cm. Chất liệu: Miếng gạc: vải không dệt sợi nhân tạo rayon polyester, có tính thấm hút. Lớp tiếp xúc với vết thương: bề mặt dạng lưới không dính làm từ polyester Lớp băng: vải không dệt polyester, chất kết dính acrylic, có khả năng chống thấm nước từ bên ngoài. ISO 13485 hoặc TCCL tương đương	Miếng	664

STT	Mã số	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
111	VT707	Bộ dụng cụ dùng trong điều trị áp lực âm kết hợp rửa vết thương	Bộ dụng cụ gồm: - 1 Bộ dây hút kèm chức năng rửa có 2 dây: dây hút dịch chính dài 32cm đường kính 0,6cm; dây bơm rửa riêng biệt đi bên trong dây chính dài 35cm, có cổng bơm riêng với nắp đậy, có đầu nối khớp với ống bơm rửa trên băng xốp; - 1 Khóa kẹp; - 1 Đầu nối thẳng và 1 đầu nối chữ Y; Dùng tương thích với máy hút dịch ML100	Bộ	16
112	VT703	Vi dây dẫn đường (guide wire) các cỡ	Dây dẫn can thiệp mạch máu 0.014" x 190cm hoặc 300cm đầu cong chữ J, đầu thẳng, bền, chịu lực 0.7g ($\pm 0,1g$) bằng Elastin nitinol đầu dây có đánh dấu cản quang 1.5mm, mạ vàng cách đầu dây dẫn 4.5cm	Cái	30
113	VT726	Kẹp cầm máu	Đường kính mở 11mm, chiều dài ống thông 155cm, 355cm	Cái	32
114	VT880	Đầu nối, phụ kiện gói Tim Phổi (hoặc tên Van cầm máu chữ Y loại bấm)	Đầu nối (Y Connector) 3/8 x 3/8 x 3/8inch; Heart Lung pack Accessories (nối thêm đường khi thiếu dòng)	Cái	8
115	VT883	Bộ khăn chụp mạch não	Bộ khăn chụp mạch não gồm: 01 x Khăn trải bàn dụng cụ 200 x 260cm; lớp plastic màu và lớp vải không dệt 3 lớp; 01 x Khăn chụp mạch vành 3 lỗ 240 x 390cm với lỗ đùi kích thước 13cm, lỗ tay kích thước 8cm; 01 x Bao kính chắn chì 120 x 100cm có màng thun; 01 x Tấm phủ chắn chì 150 x 180cm; 01 x Bao chụp đầu đèn đường kính 60cm; 10 x Khăn thấm 30 x 40cm; 01 x Khăn lót 50 x 60cm; 02 x Que thấm betadine 19cm; 01 x Bơm tiêm luer lock 10ml; 02 x Bơm tiêm 10ml; 10 x Gạc cotton 12 lớp 10cm x 10cm; 01 x Kim 23G; 01 x Chén nhựa xanh 1000 ml; 02 x Chén nhựa 100ml; 01 x Chén nhựa 50 ml; 01 x Khay nhựa 44cm (L) x 36cm (W) x 11cm (H); 02 x Áo phẫu thuật size L; Khăn chính làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMMS, định lượng 47gsm, có tính năng chống thấm, chống tĩnh điện. Tiêu chuẩn ISO13485, CE, Tiết kiệm chi phí	Bộ	32
116	VT884	Dụng cụ lấy huyết khối mạch máu não	Stent lấy huyết khối mạch máu có cấu trúc mở, thiết kế gấp cuộn, tự bung. Đường kính stent từ 2mm đến 6mm, chiều dài từ 20mm đến 50mm, dùng cho mạch máu đường kính 1.0-2.0mm, 1.5-3.0mm, 2.0-4.0mm, 2-5,5mm. Tương thích với vi ống thông đường kính 0.0165"- 0.027". Đạt tiêu chuẩn CE và ISO	Cái	5
117	VT886	Vi ống thông siêu nhỏ mềm mang bóng	Vi ống thông dùng mang bóng, dài 165cm, có đầu mềm dài 10cm đường kính đầu gần 1.8F đầu xa 2.7F	Cái	2
118	VT889	Bóng nong điều trị hẹp mạch máu não	Bóng liên ống dẫn và kèm dây dẫn cỡ 0,010", đường kính bóng các cỡ từ 3mm đến 5mm, chiều dài bóng từ 10 đến 30mm, đường kính ngoài đầu gần/đầu xa 2.8F/2.2F. Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485	Cái	3
119	VT890	Bóng nong điều trị hẹp mạch máu não	Ống thông 2 nòng có gắn bóng nong dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. - Đường kính 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0mm, chiều dài bóng nong 8mm, đường kính trong 0.0165"-0.017". - Đường kính ngoài đầu xa - gần là 2.7F/ 3.7F, chiều dài 150cm. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485, CE	Cái	3

STT	Mã số	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
120	VT892	Ống hút huyết khối mạch não đường kính trong lớn các cỡ	Chất liệu Nitinol, đường kính trong 0.068", 0.071"; đường kính ngoài tối đa 0.085". Chiều dài 120cm đến 140cm. Hỗ trợ/Tương thích stent lấy huyết khối trong can thiệp điều trị đột quỵ não. Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA và ISO 13485	Cái	8
121	VT893	Kìm cắt vòng xoắn kim loại bít túi phình mạch	Kìm cắt tách vòng xoắn kim loại đã được tích điện sẵn. Được sử dụng để cắt vòng xoắn.	Cái	2
122	VT894	Ống thông chụp mạch não	Ống thông chẩn đoán ngoại biên. Có cấu trúc lưới kép - Đường kính trong 0.046"(1.17mm) loại 5F - Chiều dài 125cm Tương thích guide wire 0.035"- 0.038"	Cái	3
123	VT895	Ống thông chụp mạch não	Đường kính trong 0.046"(1.17mm) loại 5F, chiều dài 100cm. Tương thích guide wire 0.035", 0.038"	Cái	64
124	VT897	Khung giá đỡ hẹp mạch nội sọ (không phủ thuốc)	Stent tự giãn nở dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. - Đường kính 3.0mm, 4.0mm, 5.0 mm. - Chiều dài 15mm, 20mm, 25mm, 30mm. - Stent tương thích với mạch máu đường kính 2.0- 2.5mm, 2.5-3.5mm, 3.5-4.5mm. - Tương thích với ống thông gắn bóng đường kính 1.5- 4.0mm, chiều dài bóng 8mm. - Có thể thu hồi sau khi thả 90% chiều dài stent. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485 CE	Cái	2
125	VT898	Vi ống thông can thiệp mạch máu não	Vi ống thông có lớp phủ ưa nước hai lớp, có khả năng cuộn, xoắn vận chuyển tốt. Đầu ống thông linh hoạt và trục ổn định giúp điều hướng. Lớp phủ PTFE trong lòng ống giảm ma sát. Đường kính trong 0.0165", 0.021", 0.027", 0.039". Chiều dài 125cm, 135cm, 145cm, 155cm, 160cm, 167cm, đầu ống thẳng, số marker ở đầu típ là 1 với ống 0.027", 0.039" và 2 với ống 0.0165", 0.021"	Cái	3
126	VT900	Vòng xoắn kim loại bít túi phình mạch - coils	Vòng xoắn kim loại chất liệu Platinum với các kiểu hình xoắn khác nhau: Xoắn ốc, phức hợp 3D, siêu mềm 2D, siêu mềm 3D... Đường kính vòng xoắn từ 1mm đến 30mm, chiều dài coil từ 1cm đến 70cm	Cái	5
127		Vít chốt cổ xương đùi đỉnh chốt xương đùi đa năng	chất liệu titanium. Kích cỡ phù hợp theo bộ	Cái	9

STT	Mã số	Tên vật tư y tế	Đặc tính kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
128		Bóng nong cơ vòng	Ổng thông đường mật, có ngã luân dây dẫn. Chất liệu Pebax, siêu bền Điểm cân quang trên bóng được đánh dấu bằng chất liệu Platinum/Irrium. Bóng được sản xuất theo công nghệ có thể tự động gấp lại. Chiều dài bóng từ 5.5cm. Bóng có thể bơm ở 3 cấp độ đường kính riêng biệt 6-7-8mm/8-9-10mm/10-11- 12mm, với 3 áp suất riêng biệt 3-6-10atm/ 3-5.5-9atm/3-5-8atm. Đường kính dây dẫn bóng 7.5Fr, chiều dài 180cm. Có ngã luân guidewire 0.025 inch hoặc 0.035 inch. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO	Cái	24
129		Bóng kép sợi 3 kênh	3 kênh. Dùng lấy lấy sỏi mật. Ổng thông cứng để dễ đẩy. Đường kính bóng bơm điều khiển được 2 mức độ từ 12-15mm. Kênh bơm thuốc cân quang hướng trên bóng (bên trái). Đường kính dụng cụ đầu thôn dần 7-6Fr. Guidewire tương thích 0.035 inch. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO	Cái	12
130		Stent nhựa đường mật	Với thiết kế thành mỏng cho đường kính trong tối đa - suốt chiều dài của stent. Stent thẳng có đoạn giữa hơi cong (center bend) hoặc loại cong 2 đầu (double pigtail). Stent màu xanh & đầu stent có 1 điểm cân quang (không phải kim loại). Đường kính các cỡ từ 7-8.5 Fr. Chiều dài từ 7cm đến 15cm. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO	Cái	60
131	VT528	Catheter đo áp lực nội sọ tại não thất kèm dẫn lưu giải áp	Catheter đo áp lực nội sọ tại não thất kèm dẫn lưu giải áp, kiểu cáp quang cỡ 4Fr/1.35mm. Catheter não thất với khóa vận: đường kính ngoài cỡ 11Fr/3.7mm, đường kính trong cỡ 7Fr/2.2mm, chiều dài 6-8cm (có thể điều chỉnh), đầu mũi khoan sọ tự dừng cỡ 16Fr/5.3mm. Kèm ống kết nối dẫn dịch não tủy. Bộ dụng cụ hỗ trợ: - Dụng cụ điều chỉnh áp lực 0. - Mũi khoan sọ cỡ 5.3mm, có thể điều chỉnh độ dài. Tương thích với máy ICP CAMINO.	Bộ	2
132		Sợi quang Laser điều trị suy giãn tĩnh mạch	Đường kính sợi quang: 400 μm và 600 μm	cái	5
133		Băng thun 3 móc	10cm x 4,5m (không tính độ giãn)	Cuộn	5.980
134		Sonde dạ dày	Các số từ 8 đến 18. Chất liệu nhựa PVC y tế, dây dài tối thiểu 1.250mm, trên thân dây có 4 vạch đánh dấu, có 4 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên đầu thành ống. Một đầu ống dây gắn phễu, một đầu được bo tròn. Tiệt trùng bằng khí E.O.	Cái	3.000
Tổng cộng: 134 mặt hàng					

PHỤ LỤC 2

(Đính kèm theo Thông báo số /TB-BVĐK ngày /8/2025 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Mã số	Tên hóa chất	Đặc điểm kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
1	HC098	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Tim mạch	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Tim mạch. Hộp 6 x 3ml	Hộp	2
2	HC568	Cholesterol LDL Direct	Phương pháp đo Enzymatic, đo điểm cuối, Hộp 4x50mlR1, 1x50mlR2	Hộp	10
3	HC597	LDL-Cholesterol Calibrator	Vật liệu kiểm chuẩn lipid. Lọ 1x2ml	Lọ	2
4	HC608	Cholesterol HDL Direct	Phương pháp: So màu, điểm cuối. Hộp 4x100mlR1, 1x100mlR2	Hộp	6
5	HC609	HDL-Cholesterol Calibrator	Vật liệu kiểm chuẩn lipid. Hộp 1x2ml	Hộp	2
6	HC775	AST GN67 hoặc tương đương	Thẻ kháng sinh đồ sử dụng cho vi khuẩn Gram âm. Hộp 20 Card. Tương thích máy VITEK	Hộp	54
7	HC637	Nội kiểm sinh hoá nước tiểu mức 1	Nội kiểm hoá sinh nước tiểu mức 1, lọ 1x10ml	Lọ	5
8	HC638	Nội kiểm sinh hoá nước tiểu mức 2	Nội kiểm hoá sinh nước tiểu mức 2, lọ 1x10ml	Lọ	5
9	HC895	Chủng chuẩn Escherichia coli ATCC 25922 hoặc tương đương	Dùng phân tích E.coli. Có hồ sơ chứng nhận nguồn gốc chủng.	Que	5
10	HC102	Hóa chất chương trình ngoại kiểm HbA1C	Hoá chất ngoại kiểm HbA1C phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm RIQAS được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp	2
11	HC106	Hóa chất chương trình ngoại kiểm miễn dịch	Hoá chất ngoại kiểm miễn dịch (≥ 48 thông số) phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm RIQAS được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp	2
12	HC837	AST GP67 hoặc tương đương	Thẻ kháng sinh đồ sử dụng cho vi khuẩn Gram dương. Hộp 20 Card. Tương thích máy VITEK	Hộp	7
13	HC874	Mannitol motility Agar	Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Lọ 500g	Lọ	1
14	HC886	Sabouraud Dextrose Agar	Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Lọ 500g	Lọ	1
15	HC932	Hóa chất sát khuẩn bề mặt dùng cụ Surfa'safe hoặc tương đương	Thành phần: 0.3% Didecyl dimethyl ammonium chloride, chất hoạt động bề mặt, không chứa cồn Làm sạch và khử khuẩn bề mặt trang thiết bị y tế với đầu phun tạo bọt. Đạt tiêu chuẩn diệt khuẩn, diệt nấm, diệt virus. Chai ≥ 500 ml	Chai	40
16	HC939	Test hóa học kiểm soát tiệt trùng EO 1251 hoặc tương đương	Thiết kế dạng que giấy dài có vạch mực chỉ thị hóa học. Vạch mực chỉ thị sẽ chuyển màu đỏ sang màu xanh lá sau khi qua quá trình tiệt khuẩn nhiệt độ thấp với khí Ethylen Oxide.	Que	1440

STT	Mã số	Tên hóa chất	Đặc điểm kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
17	HC775	Hoá chất định lượng Vancomycin	Hộp 100 test. Phù hợp máy architect I1000	Hộp	4
18	HC774	Chất hiệu chuẩn được sử dụng cho xét nghiệm Vancomycin	Hộp 6x4ml, phù hợp máy Architect I1000	Hộp	2
19	HC792	Hoá chất điện giải	Hoá chất xét nghiệm điện giải dành cho hiệu chuẩn và định lượng Natri (Na ⁺), Kali (K ⁺), Canxi ion hóa (Ca ²⁺) và Clo (CL ⁻) trên máy phân tích điện giải. Thực hiện được đồng thời hoặc tùy chọn được Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , Ca ⁺⁺ . Có thể thực hiện được xét nghiệm điện giải đồ máu, niệu, dịch lọc thận. Cho đơn vị mượn máy sau trúng thầu hoá chất (máy có thể hút mẫu trực tiếp ống nghiệm sinh hoá lấy máu 2ml thông dụng; Có khả năng kết nối mạng LIS 2 chiều), hỗ trợ các hoá chất khác (ngoài hoá chất trúng thầu và hoá chất nội, ngoại kiểm) và điện cực kèm theo máy, bảo dưỡng máy định kỳ.	Test	30000
20	HC127	Hồng cầu mẫu	Thành phần: Mỗi lọ sinh phẩm 10 ml gồm: - Hồng cầu khối: 0,5 ml - Dung dịch bảo quản và nuôi dưỡng hồng cầu: 9,5 ml. - Nồng độ: dung dịch hồng cầu 5%. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO. Quy cách đóng gói: Mỗi bộ hồng cầu gồm 3 lọ: Hồng cầu mẫu A, Hồng cầu mẫu B, Hồng cầu mẫu O, thể tích mỗi lọ là 10 ml	Bộ	4
21	HC781	Dung môi pha huyền dịch vi khuẩn	Dung môi pha huyền dịch vi khuẩn. - Thành phần: 0,45% Sodium chloride. - Tương thích máy Vitek2	Lít	9
22	HC786	Bộ thuần nhất và xử lý mẫu	Dùng để thực hiện kỹ thuật thuần nhất và loại trừ tạp nhiễm các mẫu thử có chứa đàm	Test	54
23	HC790	Cefoxitin	Thử nghiệm nhạy cảm với Cefoxitin	Đĩa	67
24	HC814	Oxidase	Thực hiện thử nghiệm Oxidase	Đĩa	67
25	HC815	Oxacillin	Thử nghiệm nhạy cảm với Oxacillin	Đĩa	67
26	HC834	Ổng môi trường giữ chủng Cryobank hoặc tương đương	Ổng lưu giữ chủng vi khuẩn, chứa các hạt lưu trữ và có môi trường pha sẵn.	Ổng	54
27	HC913	Bình xịt khử khuẩn dạng bột	Bình xịt làm sạch và khử khuẩn bề mặt thiết bị y tế chứa hoạt chất AHP (Accelerated Hydrogen Peroxide) nồng độ 0,36% với hiệu quả diệt khuẩn: 1. Sau 30 giây: các loại virus, theo tiêu chuẩn EN14476 2. Sau 1 phút các vi khuẩn theo tiêu chuẩn EN13727. 3. Sau 5 phút các loại nấm men theo tiêu chuẩn: EN16665.	Bình	8

STT	Mã số	Tên hóa chất	Đặc điểm kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
28	HC927	Dung dịch khử khuẩn	Dung dịch làm sạch và khử khuẩn bề mặt chứa hoạt chất AHP (Accelerated Hydrogen Peroxide) nồng độ 7,2% với hiệu quả diệt khuẩn: 1. Sau 30 giây: các loại virus, theo tiêu chuẩn EN14476 2. Sau 1 phút các loại vi khuẩn theo tiêu chuẩn EN13727. 3. Sau 5 phút các loại nấm men theo tiêu chuẩn: EN16665.	Can	5
29	HC931	Hóa chất sát khuẩn Anios hoặc tương đương	Chất hoạt động bề mặt không ion, hoạt chất bôi trơn, chất bảo quản, không chứa silicone. Chai 1 lít	Chai	5
30	HC941	Test kiểm soát thiết bị Bowie-Dick hoặc tương đương	Gói thử kèm tờ cảnh báo sớm. Gói thử đóng sẵn bao gồm tấm thử không chứa Chì, để test chất lượng lò hút chân không, ngoài ra còn giúp cảnh báo sớm về chất lượng hút chân không của lò hấp để kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời khi chưa có sự cố về chất lượng hút chân không của lò xảy ra.	Miếng	240
31		Natri dicloroisocyanurate (hay Troclosense Sodium)	Viên nén hòa tan khử khuẩn chứa Sodium Dichloroisocyanurate (tương đương 50-60% w/w chlorine hoạt tính). Dạng viên đựng trong hộp	Viên	12800
32		Que thử nước tiểu	Que thử nước tiểu ≥ 12 thông số, sử dụng tương thích máy xét nghiệm nước tiểu Click-50	test	750
33		Urine Calibrator	Hoá chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá nước tiểu. Quy cách: Hộp 6x8ml	Hộp	1
34		Nội kiểm sinh hoá mức 1	Thực hiện nội kiểm mức 1 cho các xét nghiệm sinh hoá bao gồm: Phospho, Magie. Quy cách: Lọ 1x5ml	Lọ	3
35		Nội kiểm sinh hoá mức 2	Thực hiện nội kiểm mức 2 cho các xét nghiệm sinh hoá bao gồm: Phospho, Magnesi. Quy cách: Lọ 1x5ml	Lọ	3
36		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hoá định lượng 38 thông số	Hiệu chuẩn được hoá chất thực hiện xét nghiệm Phospho, Magnesi. Quy cách: Lọ 1x5ml	Lọ	2
37		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hoá định lượng 9 thông số	Hiệu chuẩn được hoá chất thực hiện xét nghiệm Prealbumin. Quy cách: Lọ 1x1ml	Lọ	2
38		Protein control serum I	Thực hiện nội kiểm mức 1 cho các xét nghiệm sinh hoá bao gồm: Prealbumin Quy cách: Hộp 3x1ml	Hộp	2
39		Protein control serum II	Thực hiện nội kiểm mức 2 cho các xét nghiệm sinh hoá bao gồm: Prealbumin Quy cách: Hộp 3x1ml	Hộp	2
40		Chai cấy máu	Chai cấy máu phù hợp với máy BD Batec TM FX40	chai	350

STT	Mã số	Tên hóa chất	Đặc điểm kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
41		Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	Nguyên lý xét nghiệm: miễn dịch hóa phát quang gắn enzym, 2 bước Hộp bao gồm: kháng nguyên HCV gắn biotin, vi hạt từ được phủ kháng nguyên HCV, kháng thể đơn dòng (từ chuột) kháng IgG ở người gắn ALP. Xuất xứ: G7 Quy cách: 100 test / Hộp	Hộp	26
42		Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên HIV-1 p24 và kháng thể kháng HIV-1/2	Nguyên lý xét nghiệm: miễn dịch hóa phát quang gắn enzym, 2 bước Hộp bao gồm: kháng thể đơn dòng (người) kháng HIV-1p24 gắn biotin, vi hạt từ được phủ kháng nguyên HIV, kháng thể đơn dòng (người) kháng HIV-1p24 gắn ALP và kháng nguyên HIV gắn ALP. Xuất xứ: G7 Quy cách: 50 test / Hộp	Hộp	53
43		Thuốc thử xét nghiệm HBsAg	Nguyên lý xét nghiệm: Hóa phát quang gắn enzym, sandwich 2 bước Hộp bao gồm: kháng thể đơn dòng (chuột) kháng HBs gắn biotin, vi hạt từ được phủ streptavidin, kháng thể đơn dòng (chuột) kháng HBs gắn ALP. Xuất xứ: G7 Quy cách: 100 test / Hộp	Hộp	27
44		Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng Treponema pallidum	Nguyên lý xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang gắn enzym, sandwich 2 bước Hộp bao gồm: kháng nguyên TP tái tổ hợp được biotin hóa, vi hạt từ tính có bao phủ streptavidin, kháng nguyên TP tái tổ hợp gắn ALP. Xuất xứ: G7. Quy cách: 100 test / Hộp	Hộp	4
45		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	Thành phần gồm 2 mức, trong đó có 1 mức chứa kháng thể kháng HCV của người. Xuất xứ: G7 Quy cách: 1ml x 1 x 2 level/Hộp	Hộp	2
46		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng nguyên HIV-1 p24 và kháng thể kháng HIV-1/2	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HIV Ag+Ab. Thành phần gồm 2 mức: HIV Ag+Ab NC và HIV Ag+Ab PC. Xuất xứ: G7 Quy cách: 1ml x 1 x 2 level/Hộp	Hộp	2
47		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HBsAg	Vật liệu (chất) hiệu chuẩn xét nghiệm HBsAg. Gồm 6 mức nồng độ, trong đó có 5 mức chứa HBsAg tái tổ hợp, và không chứa bất kỳ thành phần nào có dẫn xuất từ người. . Xuất xứ: G7 Quy cách: 1ml x 1 x 6 level/Hộp	Hộp	2
48		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng thể kháng Treponema pallidum	Vật liệu (chất) hiệu chuẩn xét nghiệm kháng thể kháng Treponema pallidum. Gồm 2 mức trong đó có 1 mức chứa huyết thanh người. Xuất xứ: G7 Quy cách: 1ml x 1 x 2 level/Hộp	Hộp	2
49		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm xác định HBsAg, kháng thể kháng HCV, kháng thể kháng Treponema pallidum, kháng thể kháng HIV và kháng thể kháng HTLV-1	Vật liệu kiểm soát chất lượng cho xét nghiệm kháng nguyên HBs, kháng thể HCV, kháng thể TP, kháng thể HIV thành phần gồm 2 mức. Xuất xứ: G7 Quy cách: L1: 3ml x 3, L2: 3ml x 3	Hộp	5

STT	Mã số	Tên hóa chất	Đặc điểm kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
50		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng nguyên HIV-1 p24 và kháng thể kháng HIV-1/2	Thành phần gồm: Vật liệu kiểm soát âm tính với HIV, vật liệu kiểm soát dương tính với kháng nguyên HIV, vật liệu kiểm soát dương tính với kháng thể HIV. Xuất xứ: G7 Quy cách: 3ml x 2 x 3 level/Hộp	Hộp	2
51		IVD cơ chất kích hoạt phản ứng hóa phát quang gắn enzym	Gồm thuốc thử R4 chứa azide natri (sodium azide) và thuốc thử R5 có pH= 9.6. Xuất xứ: G7 Quy cách: R4: 40ml, R5: 70ml	Hộp	12
52		IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch rửa phù hợp cho máy xét nghiệm miễn dịch HISCL. Xuất xứ: G7 Quy cách: 10L/Hộp	Hộp	41
53		IVD rửa kim hút dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch rửa phù hợp cho máy xét nghiệm miễn dịch HISCL. Xuất xứ: G7 Quy cách: 2x250 mL/Hộp	Hộp	9
54		IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch rửa phù hợp cho máy xét nghiệm miễn dịch HISCL. Xuất xứ: G7 Quy cách: 10L/Hộp	Hộp	8
55		Cu-vét dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Cồng phản ứng cho xét nghiệm miễn dịch, phù hợp cho máy xét nghiệm miễn dịch HISCL. Xuất xứ: G7 Quy cách: 5000 cái / Hộp	Hộp	2
56		Đầu côn dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Đầu côn cho xét nghiệm miễn dịch, phù hợp cho máy xét nghiệm miễn dịch HISCL. Xuất xứ: G7 Quy cách: 5000 cái / Hộp	Hộp	2
57		Thuốc thử xét nghiệm phát hiện RNA HIV-1 Nhóm M, RNA HIV-1 Nhóm O, RNA HIV-2, RNA HCV, DNA HBV	Thuốc thử xét nghiệm phát hiện RNA HIV-1 Nhóm M, RNA HIV-1, RNA HIV-2, RNA HCV, DNA HBV. Xuất xứ: G7 Quy cách: Hộp 480 xét nghiệm	Hộp	5
58		Vật liệu kiểm soát dương tính xét nghiệm phát hiện RNA HIV-1 Nhóm M, RNA HIV-1 Nhóm O, RNA HIV-2, RNA HCV, DNA HBV	Vật liệu kiểm soát dương tính xét nghiệm phát hiện RNA HIV-1 Nhóm M, RNA HIV-1, RNA HIV-2, RNA HCV, DNA HBV. Xuất xứ: G7 Quy cách: Hộp 4 xét nghiệm (4 giá minirack x 3 lọ x 1 mL)	Hộp	7
59		Vật liệu kiểm soát âm tính xét nghiệm phát hiện / định tính / định lượng RNA HIV-1, RNA HIV-2, RNA HCV, DNA HBV,	Vật liệu kiểm soát âm tính xét nghiệm phát hiện/ định tính/ định lượng RNA HIV-1, RNA HIV-2, RNA HCV, DNA HBV, DNA cytomegalovirus. Xuất xứ: G7 Quy cách: 16 x 1 mL	Hộp	2
60		Hóa chất rửa hệ thống	Hoá chất rửa hệ thống. Xuất xứ G7 Quy cách: 4200 mL	Hộp	10
61		Hóa chất pha loãng mẫu	Hóa chất pha loãng mẫu. Xuất xứ G7 Quy cách: 4 bình x 875 mL	Hộp	3
62		Hóa chất ly giải	Hóa chất ly giải mẫu. Xuất xứ G7 Quy cách: 4 bình x 875 mL	Hộp	2
63		Hạt bi từ	Hạt thủy tinh từ tính. Xuất xứ G7 Quy cách: 480 xét nghiệm/hộp	Hộp	5

STT	Mã số	Tên hóa chất	Đặc điểm kỹ thuật mời thầu	ĐVT	Số lượng kế hoạch
64		Đầu típ hút mẫu và thuốc thử	Đầu típ hút mẫu và thuốc thử. Xuất xứ Châu Âu Quy cách: 12 x 480 đầu típ	Hộp	1
65		Đĩa xử lý mẫu 24 vị trí	Đĩa xử lý mẫu. Xuất xứ G20 Quy cách: 60 cái/hộp	Hộp	2
66		Đĩa chất thải lỏng 24 vị trí	Đĩa chất thải lỏng. Xuất xứ G20 Quy cách: 60 cái/hộp	Hộp	2
67		Đĩa phản ứng 24 vị trí	Đĩa phản ứng. Xuất xứ G20 Quy cách: 120 cái/hộp	Hộp	1
68		Đầu típ hút mẫu và thuốc thử	Đầu côn có màng lọc. Xuất xứ Châu Âu Quy cách: 8 x 480 đầu típ	Hộp	5
69		Ống thứ cấp tiêu hao	Ống đựng mẫu thứ cấp. Xuất xứ Châu Âu Quy cách: 1500 cái/ thùng	Hộp	2
		Tổng cộng: 69 mặt hàng			

Tên nhà thầu:
Địa chỉ:
Số điện thoại-email....

Kính gửi: **Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các vật tư y tế tiêu hao như sau:

1. Báo giá cho các vật tư y tế tiêu hao:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất					Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)
		Tên thương mại	Đặc tính kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sản xuất	Đơn vị tính						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1												
2												
	Tổng cộng: mặt hàng											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của các vật tư y tế tiêu hao)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: Ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin nêu trong Thông báo mời chào giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các vật tư y tế tiêu hao nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp (13)
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Danh mục hàng hóa theo Thông báo mời chào giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi;

(2) Chứng loại vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm (Tên thương mại/ tên thường dùng/tên Tiếng Anh (nếu có)) tương ứng với từng danh mục hàng hóa ghi tại cột (1);

(3) Đặc tính kỹ thuật (thông số kỹ thuật) của vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm tương ứng với chứng loại ghi tại cột (2);

(4), (5) Tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm tương ứng với chứng loại ghi tại cột (2);

(7) Mã HS của từng vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm;

(8), (9) Năm sản xuất, xuất xứ của vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm;

(6), (10) Đơn vị tính, Số lượng, khối lượng theo đúng đơn vị tính, số lượng, khối lượng nêu trong Thông báo mời chào giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi;

(11) Đơn giá bằng đồng Việt Nam (VND) tương ứng với từng danh mục hàng hóa (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có));

(12) Thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND) là toàn bộ đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí (11) của từng vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm đã tính theo đúng số lượng, khối lượng (10) tương ứng;

Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(13) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Tên nhà thầu:
Địa chỉ:
Số điện thoại-email....

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hóa chất, hóa chất xét nghiệm như sau:

1. Báo giá cho các hóa chất, hóa chất xét nghiệm:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất					Quy cách đóng gói	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)
		Tên thương mại	Đặc tính kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sản xuất	Đơn vị tính							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1													
2													
	Tổng cộng: mặt hàng												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của các vật tư y tế tiêu hao)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: Ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin nêu trong Thông báo mời chào giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hóa chất, hóa chất xét nghiệm nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp (13)
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Danh mục hàng hóa theo Thông báo mời chào giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi;

(2) Chứng loại vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm (Tên thương mại/ tên thường dùng/tên Tiếng Anh (nếu có)) tương ứng với từng danh mục hàng hóa ghi tại cột (1);

(3) Đặc tính kỹ thuật (thông số kỹ thuật) của vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm tương ứng với chứng loại ghi tại cột (2);

(4), (5) Tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm tương ứng với chứng loại ghi tại cột (2);

(7) Mã HS của từng vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm;

(8), (9) Năm sản xuất, xuất xứ của vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm;

(6), (10) Đơn vị tính, Số lượng, khối lượng theo đúng đơn vị tính, số lượng, khối lượng nêu trong Thông báo mời chào giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi;

(11) Đơn giá bằng đồng Việt Nam (VND) tương ứng với từng danh mục hàng hóa (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có));

(12) Thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND) là toàn bộ đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí (11) của từng vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm đã tính theo đúng số lượng, khối lượng (10) tương ứng;

Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(13) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.